TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/DS-ST
Ngày: 17/6/2019.
"*V/v Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên văn bản công chứng vô hiệu và Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Biểu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Thịnh.

- Ông Nguyễn Hoàng Vũ.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 74/2018/TLST- DS ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QDST-DS, ngày 31/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình B, sinh năm: 1948; trú tại: Khối phố Hồng P, phường Hòa H, thành phố Tam K, tỉnh Quảng Nam (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trịnh Văn H – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Th, sinh năm: 1933; trú tại: Thôn Mỹ B, xã Tam H, huyện Núi T, tỉnh Quảng Nam. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Văn A – Văn phòng luật sư Lê Văn A, địa chỉ: Khối A, thị trấn Núi T, huyện Núi T, tỉnh Quảng Nam (Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Đình H, sinh năm: 1964, trú tại: Thôn Mỹ B, xã Tam H, huyện Núi T, tỉnh Quảng Nam. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Luật sư Lê Văn A – Văn phòng luật sư Lê Văn A, địa chỉ: Khối A, thị trấn Núi T, huyện Núi T, tỉnh Quảng Nam (Có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm: 1966; trú tại: Thôn Mỹ B, xã Tam H, huyện Núi T, tỉnh Quảng Nam (Có mặt)

+ Văn phòng công chứng Núi T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Số 326 Phạm Văn Đ, thị trấn Núi T, huyện Núi T, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện bà Nguyễn Thị Như N – công chứng viên (Vắng mặt có lý do).

+ Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm: 1956. Trú tại: Số nhà 51 đường H, phường Th, thành phố Vũng T, tỉnh Bà R (Vắng mặt có lý do).

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1961. Trú tại: Tổ 5, khu 9, thị trấn Tân Ph, huyện Tân P, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt có lý do).

+ Ủy ban nhân dân xã Tam H, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê C, chức vụ: Chủ tịch UBND xã Tam H (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, yêu cầu bổ sung, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đình B trình bày:

Nguồn gốc nhà và đất tại thôn Mỹ B, xã Tam H, huyện Núi T, tỉnh Quảng Nam là của cha ruột ông B là ông Nguyễn Đình N tạo lập từ lúc sinh thời cho đến lúc cha ông B hi sinh vào ngày 03/11/1962. Sau khi cha ông B hi sinh, ông B đi tham gia kháng chiến, nhà và đất của cha ông B, ông B nhờ cho ông Nguyễn Đình B1 (là cháu gọi ông Nguyễn Đình N là chú ruột) trông cói hương khói. Đến ngày 30/4/1975 Miền Nam hoàn toàn giải phóng ông B ở chiến khu về lại quê hương nên ông B1 đã giao lại ngôi nhà này cho ông B để lo hương khói cho ông N (ông B1 đã chết). Bà Bùi Thị Th (là mẹ kế ông B). Bà Th và ông N cha ông B có 04 người con chết 02 còn lại 02 người là bà H và bà L. Trong thời gian này, bà Th mẹ kế ông B lại tiếp tục đi lấy chồng khác sinh ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1964, bà Th mua nhà ở riêng sau đó bán căn nhà này đi. Năm 1975 ông B thấy bà Th không có chỗ ở, nên ông B đã cho bà Th ở lại ngôi nhà do ông Ngô đã tạo lập trước đó đến khi nhà nước có chế độ ưu đãi theo Nghị định 28/CP ông B làm chế độ hưởng chế độ hàng tháng cho bà Th cho đến nay và hỗ trợ tu sửa lại ngôi nhà thờ để thờ ông Ngô (liệt sỹ). Chủ trương chung của Nhà nước quy hoạch ngôi nhà và đất của ông N nằm trong diện quy hoạch nên được bố trí lại 02 (hai) lô đất 01 (một) lô chính, 01 (một) lô phụ và khoản 200.000.000 đồng bà Th nhận.

Năm 2007, bà Bùi Thị Th và các con của ông Nguyễn Đình N đã tiến hành họp và lập biên bản họp gia đình về việc định đoạt tài sản là nhà và đất cũng như việc thờ cúng của ông N. Trong biên bản họp gia đình đã đi đến thống nhất là giao cho ông Nguyễn Đình B một lô đất tái định cư để làm thờ cúng lo hương khói ông bà, thờ cúng ông N. Khi nhà nước cấp đất tái định cư ông B là người đi làm thủ tục và nhận lô đất tái định cư. Theo biên bản họp gia đình ngày 13/12/2007 thì bà Bùi Thị Th là người đứng ra làm thủ tục với nhà nước để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà Bùi Thị Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì giao lại diện tích đất trên cho ông B để ông B làm nhà thờ, thờ cúng ông bà và thờ ông Nguyễn Đình N theo đúng biên bản

họp gia đình ngày 13/12/2007 nhưng bà Th không giao nên ông B chưa làm nhà thờ được.

Tuy nhiên, đến tháng 3/2018 thì bà Th đã đến UBND xã Tam H lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng diện tích đất đã được họp gia đình giao cho ông B tặng cho ông H và bà O (ông H là con riêng của bà Th; bà O là vợ ông H). Sau khi biết được sự việc này ông B đã làm đơn gửi đến UBND xã Tam H để giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông B và bà Th. UBND xã Tam H đã có công văn số 17/UBND, ngày 21/3/2018 về việc không thực hiện chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị Th với ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Kim O. Sau khi UBND xã Tam H không chứng thực, vào ngày 22/3/2018 hợp đồng này được Văn phòng công chứng Núi T xác lập số 612, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD. Việc làm trên của bà Bùi Thị Th đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B theo biên bản họp gia đình vào ngày 13/12/2007 và không có nơi thờ tự ông bà và thờ ông Nguyễn Đình N.

Vì vậy, để đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, ông B yêu cầu hợp đồng công chứng số số 612, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng Núi T vô hiệu và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 693, tờ bản đồ số 3, thửa đất lô N3.8-16 tại khu TĐC Chợ Trạm, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giữa bà Bùi Thị Th tặng cho ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Kim O được Văn phòng công chứng huyện Núi T chứng nhận số 612, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 22/3/2018.

Tại bản khai và phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị Th trình bày: Vào năm 2007 khi nhà nước giải tỏa bồi thường thì có bồi thường cho hộ gia đình bà Th cấp 02 (hai) lô đất tái định cư gồm: 01 (một) lô chính, 01 (một) lô phụ. Sau đó bà Th đã tổ chức họp giải đình thống nhất giao cho ông B 01 lô đất để ông B có trách nhiệm thờ cúng ông bà, cha ông B là ông N, và có nghĩa vụ chăm sóc gia đình. Nhưng ông B không thực hiện theo biên bản họp gia đình ngày 13/12/2007. Đến ngày 05 tháng 5 năm 2011, bà Th đã đến UBND xã Tam H, yêu cầu hủy biên bản họp gia đình đã lập ngày 13/12/2007 vì bà Th cho rằng ông B không thực hiện xây dựng nhà thờ cúng và vô trách nhiệm đối với người con trai trong gia đình và đã được UBND xã Tam H xác nhận vào ngày 06/5/2011. Vì lý do trên, nên bà Th lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên cho ông H, bà O là đúng quy định của pháp luật; vì tài sản này là đứng tên cá nhân của bà Th nên bà có quyền định đoạt tài sản này cho bất kỳ ai. Vì những lý do trên, việc ông B khởi kiện bà hoàn toàn không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết bác bỏ đơn khởi kiện của ông B.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :

Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Kim O trình bày: Ông H và bà O không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B về việc ông B yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà Th tặng cho ông H và bà O thửa đất số 693, tờ bản đồ số 3, thửa đất lô N3.8-16 tại khu TĐC chợ trạm, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, diện tích là 180m^2. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật; vì theo biên bản ngày 05/5/2011 đã yêu cầu hủy bỏ biên bản họp gia đình ngày 13/12/2007; ngoài ra tài sản quyền sử dụng đất này là của cá nhân bà Th là chủ sở

hữu tại số BA 787921 do UBND huyện Núi Thành cấp vào ngày 22/02/2010 nên bà Th được tự quyền quyết định tặng cho quyền sử dụng đất này cho bất kỳ cá nhân nào; ông B không có liên quan đến thửa đất trên. Do đó, ông H và bà O thống nhất yêu cầu của bị đơn bà Th. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Thị Như N – Công chứng viên Văn phòng công chứng Núi T trình bày tại bản tự khai như sau: Vào ngày 22/3/2018 Văn phòng công chứng Núi T có nhận được hồ sơ yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị Th. Theo hồ sơ của bà Bùi Thị Th có: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 787921 do UBND huyện Núi Thành cấp ngày 22/02/2010 cấp cho bà Bùi Thị Th; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã Tam H cấp cho bà Th trong đó ghi rõ nội dung chồng bà Th chết năm 1962 từ đó đến nay bà Th không kết hôn với ai. Do đó, căn cứ vào quy định pháp luật Dân sự và quy định về Luật công chứng. Việc Văn phòng công chứng Núi T công chứng trên là hợp pháp.

- Bà Nguyễn Thị Minh H và bà Nguyễn Thị L trình bày: Đây là tài sản cá nhân bà Bùi Thị Th nên bà Th có quyền tự quyết định.

- Người làm chứng ông Nguyễn Đình K và ông Trần Đình B trình bày: Trước khi ông Nguyễn Đình Nhy sinh năm 1962 ông N mua của của ông Trần B diện tích đất 800 m^2 tại Thôn Mỹ B, xã Tam H, huyện Núi T, tỉnh Quảng Nam nay nhà nước giải tỏa đền bù. Năm 1967 bà Th sống chung với ông Đoàn Thế Kh mua đất làm nhà cách nhà ông N 200m sau đó bán lại cho ông Nguyễn T và bà H, bà Th về sống tại thôn Phái N, xã Tam H huyện Núi T, tỉnh Quảng Nam; Năm 1970 vợ chồng ông Nguyễn Đình B1 là cháu của ông N đến ở nhà ông Nguyễn Đình N lo hương khói ông bà cho đến năm 1975 ông B con ông N thoát ly tham gia cách mạng về thì giao lại cho ông Nguyễn Đình B. Hiện nay ông B1 đã chết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình B về việc yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng công chứng số 612, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng Núi T vô hiệu và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 693, tờ bản đồ số 3, thửa đất lô N3.8-16 tại khu TĐC chợ trạm, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, diện tích là 180m^2

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Đình B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện huyện Núi Thành yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng công chứng số số 612, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD

của Văn phòng công chứng Núi T vô hiệu và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 693, tờ bản đồ số 3, thửa đất lô N3.8-16 tại khu TĐC chợ trạm, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giữa bà Bùi Thị Th tặng cho ông nguyễn Đinh H và bà Nguyễn Thị Kim O được Văn phòng công chứng huyện Núi Thành chứng nhận số 612, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 22/3/2018.

Đây là tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện huyện Núi Thành.

[2]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Đình B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Núi Thành giải quyết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị Th tặng cho ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Kim O được Văn phòng công chứng Núi T xác lập số 612, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 693, tờ bản đồ số 3, thửa đất lô N3.8-16 tại khu TĐC chợ trạm, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giữa bà Bùi Thị Th tặng cho ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Kim O được Văn phòng công chứng Núi T chứng nhận được Văn phòng công chứng Núi T xác lập số 612, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD.

Về nội dung: Diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 787921 do UBND huyện Núi Thành cấp vào ngày 22/02/2010 có nguồn gốc từ nhận đất tái định cư (nguồn gốc đất này là nhà và đất của ông Nguyễn Đình N) để lại. Trong quá trình nhận đất tái định cư thì bà Th đã cùng các con trong gia đình họp bàn thống nhất lập biên bản để lại lô đất tái định cư này cho bà Th đứng tên; sau đó bà Th đã giao lại cho ông Nguyễn Đình B quản lý và sử dụng để xây dựng nhà thờ cúng ông bà và thờ ông Nguyễn Đình N; trong biên bản hợp gia đình cũng thống nhất diện tích đất này không được chuyển nhượng. Tuy nhiên, vào ngày 05/5/2011 bà Th đã tự là đơn xin xác nhận với nội dung *"đề nghị rút lời duy chúc theo biên bản họp gia đinh đã ghi vào ngày 13/12/2007"* mà không thông qua các thành viên trong gia đinh theo biên bản họp gia đình lập ngày 13/12/2007. Đến ngày 21/3/2018 bà Th đã đến UBND xã Tam H yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhưng UBND xã Tam H không thực hiện do đã nhận đơn đề nghị yêu cầu dừng việc chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đình B. Đến ngày 22/3/2018 bà Th đã tự ý lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất này cho vợ chồng ông H và bà O mà không thông qua các thành viên trong gia đình là vi phạm ý chí của các thành viên trong gia đình.

Ngoài ra, ý kiến của công chứng viên thì cho việc chứng thực là đúng do có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Th cho rằng ngoài việc kết hôn với ông N và ông N đã chết năm 1962 thì bà không kết hôn với ai khác là không đúng. Vì lời khai tại phiên tòa của bà Th thì bà Th cũng thừa nhận: ngoài việc

kết hôn với ông N và ông N đã hi sinh năm 1962 thì bà còn kết hôn với 02 người khác (ông Nguyễn Văn T và ông Đoạn Thế Kh). Việc bà Bùi Th làm giấy xác nhận tình trạng hôn nhân "Đã có chồng nhưng chồng chết, từ khi chồng chết năm 1962 đến nay sống độc thân nuôi con không lấy chồng và đăng ký kết hôn với ai" là không đúng thực tế. Do đó việc Văn phòng công chứng Núi T căn cứ vào giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Th để lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng dụng đất cho ông Nguyễn Đình H và bà nguyễn Thị Kim O là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Mặc khác, theo quy đinh tại điều 49 luật công chứng thì "Văn bản công chứng có từ hai trang trở lên thì từng trang phải được đánh số thứ tự. Văn bản công chứng có từ hai tờ trở lên phải được đóng dấu giáp lai giữa các tờ". Việc hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Núi T chứng nhận tại số 612, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/3/2018 nhưng không được đánh số trang là vi phạm theo quy định tại điều 49 luật công chứng.

Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị Th và ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Kim O lập ngày 22/3/2018 vi phạm với quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị của trợ giúp viên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Trịnh Văn H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn A đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận hợp đồng tặng cho có hiệu luật.

[3] Do dợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chưa phát sinh thiệt hại và nguyên đơn ông Nguyễn Đình B cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Bùi Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà Th là người cao tuổi, vợ liệt sĩ đang hưởng chế độ nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11, Điều 14 và Điều 122 của Bộ luật dân sự; Biên bản họp gia đình lập ngày 13/12/2007; Điều 188 luật Đất đai; Điều 49 Luật công chứng năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình B về việc "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy hợp

đồng tặng cho quyền sử dụng đất" đối với bị đơn bà Bùi Thị Th.

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị Th tặng cho ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Kim O được Văn phòng công chứng huyện Núi Thành chứng nhận số 612, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 22/3/2018 bị vô hiệu toàn bộ và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 693, tờ bản đồ số 3, thửa đất lô N3.8-16 tại khu TĐC Chợ Trạm, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giữa bà Bùi Thị Th tặng cho ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Kim O được Văn phòng công chứng huyện Núi Thành chứng nhận số 612, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 22/3/2018.

Về án phí: Bà Bùi Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà Bùi Thị Th là người cao tuổi, vợ liệt sĩ đang hưởng chế độ nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng KTNV và THAHS TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

TRƯƠNG VĂN BIỂU

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)
Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2019.
Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử

cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trương Văn Biểu

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa

án nhân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Trương Văn Biểu